TAND HUYỆN ĐỊNH HÓA **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2019.

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1) Bà Nguyễn Thị Tâm;

2) Ông Trần Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đại Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2018/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị Vì Th, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Xóm NM, xã PhL, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Lưu Đình T, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Thôn 4, xã PT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc. (Được trích xuất về trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên để xét xử trong vụ án khác).

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2018, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 28/12/2018, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn – chị Triệu Thị Vì Th trình bày:

Chị Triệu Thị Vì Th và anh Lưu Đình T kết hôn ngày 02/01/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PhL, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên, trước khi kết

hôn, chị và anh T có tìm hiểu khoảng 06 tháng, trên cơ sở tự nguyện được hai gia đình đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chịu khó làm ăn, ham chơi, hay tụ tập bạn bè chơi bời, sử dụng ma túy. Khoảng đầu tháng 02/2017, vợ chồng chị chuyển đến sinh sống tại xóm NM, xã PhL, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên để làm ăn, nhưng mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn, anh T đi chơi qua đêm không về nhà, không quan tâm đến vợ con, tuy gia đình hai bên nhắc nhở hòa giải nhưng anh T không thay đổi, thậm chí còn xúc phạm, chửi mắng chị. Chị đã động viên anh cai nghiện tại nhà nhiều lần nhưng anh không có quyết tâm cai nghiện. Đến tháng 9/2017, chị và anh T chính thức sống ly thân, anh T bỏ nhà đi đâu, làm gì chị không biết, anh T cũng không quay về nhà thăm vợ con lần nào, sau này chị biết anh T có hành vi vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù tại trại giam Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc. Nay chị không còn yêu Th anh T, chị kiên quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị Th và anh T có 02 con chung là Lưu Hoài Ph, sinh ngày 09/10/2014 và Lưu Bảo N, sinh ngày 16/10/2016, hiện nay 02 con chung đang sống cùng chị tại xóm NM, xã PhL, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn, chị Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th xác định chị và anh T không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Lưu Đình T trình bày: Anh và chị Triệu Thị Vì Th kết hôn với nhau ngày 02/01/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PhL, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên, hai vợ chồng đều trải qua thời gian tìm hiểu quen biết trước khi kết hôn, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau tại thôn 4, xã PT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, được một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh ham chơi, sử dụng ma túy, nợ nần, không quan tâm chăm sóc đến gia đình, vợ con, thậm chí lấy đồ trong nhà đi bán, khi chị Th nhắc nhở thì anh T chửi mắng, xúc phạm chị khiến cho vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Gia đình hai bên có hòa giải, khuyên nhủ nhưng anh không thể thay đổi bản thân, không cai nghiện được. Từ tháng 9/2017 anh và chị Th sống ly thân, sau đó anh đi cai nghiện tại cơ sở tư vấn và cai nghiện tỉnh Thái Nguyên. Đến 21/01/2019 anh phải đi chấp hành bản án số 59/2018/HSST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện PL và quyết định thi hành án hình phạt

tù số 71/2019/QĐ-CA ngày 20/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ tại trại giam Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc. Đến ngày 28/02/2019 anh được trích xuất về trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên để xét xử trong vụ án khác. Nay anh xác định không còn tình cảm gì với chị Th, chị Th kiên quyết ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung, anh T xác định anh và chị Th có 02 con chung là Lưu Hoài Ph, sinh ngày 09/10/2014 và Lưu Bảo N, sinh ngày 16/10/2016. Khi ly hôn, anh đồng ý để cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lưu Hoài Ph, sinh ngày 09/10/2014 và Lưu Bảo N, sinh ngày 16/10/2016, chị Th tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định vợ chồng không có.

Quá trình giải quyết vụ án anh T đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra, tiếp cận và công khai tài liệu chứng cứ. Tại phiên họp chị Th không bổ sung tài liệu và cũng không có yêu cầu gì thêm. Giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện.

Do anh T là bị đơn đang chấp hành án phạt từ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, chị Th có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án. Do vậy, Tòa án không tổ chức phiên hòa giải. Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay theo yêu cầu của chị Th.

Tại phiên tòa, chị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Kiên quyết xin được ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng, việc cấp, giao, tống đạt văn bản tố tụng, việc thu thập tài liệu chứng cứ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho chị Triệu Thị Vì Th ly hôn anh Lưu Đình T.

Về con chung: Giao con chung là Lưu Hoài Phương, sinh ngày 09/10/2014 và Lưu Bảo Nam, sinh ngày 16/10/2016 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T do chị Th tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị Triệu Vì Th và Lưu Đình T không có. Không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Triệu Thị Vì Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo bản án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình, mà bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã Phượng Tiến, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Vì Th và anh Lưu Đình T kết hôn ngày 02/01/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PhL, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn chị Th và anh T có được tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của hai bên gia đình, tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Như vậy, có thể thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chunh sống, anh T và chị Th thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân của việc mâu thuẫn vợ chồng là do anh T ham chơi, sử dụng ma túy, nợ nần, không quan tâm chăm sóc đến gia đình, vợ con, thậm chí mang đồ dùng trong nhà đi bán, khi chị Th đã động viên góp ý nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, có nhiều lời nói xúc phạm chị Th. Gia đình hai bên đã góp ý nhiều lần nhưng anh T không đổi bản, không cai nghiện được, dẫn đến có hành vi vi phạm pháp luật và bị xử lý. Hiện anh T đang phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc. Nay chị Th không còn yêu Th anh T nữa, cương quyết xin được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận và công khai chứng cứ. Anh T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, tại phiên họp chị Th không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ gì, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tòa án không tiến hành hòa giải được do anh T đang phải chấp hành án hình sự,

đồng thời có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xen được ly hôn của chị Th là phù hợp, đúng thực tế. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Khi ly hôn chị Th yêu cầu được nuôi cả 02 con chung của anh chị, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là Lưu Hoài Ph, sinh ngày 09/10/2014 và Lưu Bảo N, sinh ngày 16/10/2016 còn quá nhỏ. Hiện anh T đang phải chấp hành án phạt tù không có điều kiện để trược tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Do vậy, chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung của chị và anh T là phù hợp với thực tế cần được chấp nhận.

Chị Th không anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có yêu cầu.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh T không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí*:* Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tho quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, đúng quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28. Các Điều: 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Triệu Thị Vì Th.

1.Về hôn nhân: Chị Triệu Thị Vì Th được ly hôn anh Lưu Đình T.

2.Về nuôi con chung:

2.1. Giao 02 con chung là Lưu Hoài Ph, sinh ngày 09/10/2014 và Lưu Bảo N, sinh ngày 16/10/2016 cho chị Triệu Thị Vì Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

2.2.Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T (do chị Th không yêu cầu).

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3.Về tài sản chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Triệu Thị Vì Th phải chịu 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) T án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số T tạm ứng án phí dân sự sơ thẩn đã nộp là 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008804 ngày 28 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Th. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt anh T tại phiên tòa. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ(02 bản);
- THADS huyện ĐịnhHóa;
- UBND xã PhL;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Giang